

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36** /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2025

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Bà Nguyễn Thị Bình;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực A - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, về việc “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Hoàng Đ**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số nhà B, đường số A, tổ F, thôn Đ, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Chị **Trần Phạm Ngọc Thảo N**, sinh năm 2005.

Địa chỉ: Số nhà C, đường số D, thôn A, xã T, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Hoàng Đ trình bày: Anh Đ và chị Trần Phạm Ngọc Thảo N kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng). Vợ chồng chung sống được gần 01 năm thì giữa vợ chồng có mâu thuẫn; nguyên nhân do chị N có tình cảm với người khác.

Sau đó chị N nhà bỏ đi từ đó đến nay. Mặc dù anh Đ có qua nhà gặp bố mẹ chị N để hỏi thông tin của chị với mong muốn là vợ chồng gặp mặt, nói chuyện nhưng vẫn không liên hệ được với chị N. Nhận thấy hôn nhân không đạt được, không còn yêu thương nhau nên anh Đ yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Phạm Ngọc Thảo N không đến tham gia nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N và cũng không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh về hôn nhân giữa anh Đ và chị N cho thấy vợ chồng anh Đ và chị N hiện nay không còn chung sống với nhau, chị N đã bỏ đi khỏi địa phương, không còn liên lạc được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Trần Phạm Ngọc Thảo N cư trú tại xã T, tỉnh Lâm Đồng nên việc khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Trần Phạm Ngọc Thảo N vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm

b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đ và chị Trần Phạm Ngọc Thảo N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 29/03/2023 tại Ủy ban nhân dân Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N có tình cảm với người khác. Hiện nay, anh Đ và chị N không chung sống với nhau. Bản thân chị N mặc dù nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và biết rõ việc anh Đ yêu cầu ly hôn nhưng chị N không đến tham gia tố tụng, bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị N có mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu tiếp tục chung sống cũng không tạo dựng được hạnh phúc. Do đó, yêu cầu được ly hôn của anh Đ đối với chị N là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Hoàng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- *Về hôn nhân:* Anh Hoàng Đ ly hôn với chị Trần Phạm Ngọc Thảo N.

- *Về án phí:* Anh Hoàng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành

án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000246 ngày 11/7/2025. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án: ngày 25/9/2025. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND KV17;
- THADS tỉnh;
- UBND xã Trà Tân;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái